

**BẢN LĨNH VĂN HÓA DÂN TỘC
TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP**

NGUYỄN TIẾN DŨNG^(*)

Chiều sâu, căn cốt của văn hóa dân tộc Việt Nam từ lâu đã được giới nghiên cứu văn hóa quan tâm. Trước bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, bản lĩnh văn hóa dân tộc đứng trước những thử thách lớn, có nguy cơ lung lay gốc rễ. Tuy nhiên, đó cũng có thể xem là cơ hội để chúng ta thể hiện và nâng cao bản lĩnh văn hóa dân tộc. Trong bài viết này, tác giả đề cập đến bản lĩnh văn hóa dân tộc, một lần nữa khẳng định dân tộc Việt Nam có bản lĩnh văn hóa dày dặn, đã được tôi luyện qua lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, nó có ý nghĩa to lớn đối với công cuộc hội nhập quốc tế hiện nay.

1. Bản lĩnh văn hóa dân tộc Việt Nam

Bản lĩnh là “đức tính tự quyết định một cách độc lập thái độ, hành động của mình, không vì áp lực bên ngoài mà thay đổi quyết định” [11, 31]. Theo đó, nhà nghiên cứu Hồ Sĩ Vịnh quan niệm, bản lĩnh của một dân tộc là phẩm chất tự quyết định một cách độc lập thái độ, hành động của mình, không vì áp lực bên ngoài mà thay đổi quan điểm, hành động, nó là cộng hưởng bản lĩnh của các cá nhân con người cụ thể trong cộng đồng hợp thành [12, 305].

Bản lĩnh văn hóa dân tộc Việt Nam là một phần kết quả của một hoàn cảnh địa chính trị mà theo đó, khó có sự lựa chọn nào hay hơn thế, nếu không là ứng xử văn hóa và có bản lĩnh. Nhận định về điều này, Trần Văn Giàu viết “ở vị thế địa lý ấy, Việt Nam khác nào miếng thịt ngon phơi trước mồm hổ đói, tránh đâu bị khời xâu xé, dằm dáp. Trong cảnh

ngộ đó, Việt Nam hoặc phải bị nghiền nát như tương, hoặc phải trở nên rắn như thép. Quyết không chịu bị nghiền nát như tương, mà quyết làm tất cả để trở nên rắn như thép, đó là bản lĩnh Việt Nam” [5, 3]. Bản lĩnh Việt Nam mà Trần Văn Giàu đề cập đến chính là bản lĩnh dân tộc Việt Nam.

Bản lĩnh dân tộc Việt Nam suy cho cùng lại là kết quả được hun đúc từ chính văn hóa Việt Nam. Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII nhận định: “Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc” [3, 40]. Huy Cận cũng từng viết: “Bản sắc văn hóa sâu đậm của chúng ta là nguồn sống mà chúng ta tiếp tục hút ra được sức mạnh và sức sống cho nền văn hóa hiện đại” [1, 155].

^(*) ThS., Phó Hiệu trưởng trường Đại học Trà Vinh.

Bản lĩnh văn hóa dân tộc không tự có, mà phải trải qua một quá trình xây đắp và tự khẳng định. Đề cập đến bản lĩnh văn hóa Việt Nam, tức là nói đến thái độ ứng xử văn hóa dày dặn, được cô đúc trong hàng ngàn năm lịch sử, là giá trị khách quan do lịch sử tạo dựng, chứ không phải là cái mới phát sinh hôm nay, cũng không phải là cái bản lĩnh duy ý chí.

Bản lĩnh văn hóa dân tộc đã được thể hiện rõ trong lịch sử dựng nước và giữ nước, đáng để các thế hệ người Việt tự hào. Trong lịch sử, dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều thời kỳ tiếp biến và hội nhập văn hóa. Theo các nhà nghiên cứu, cho đến hiện nay, nếu ngoại trừ thời văn hóa tiền sử, thì Việt Nam đã qua ba lần hội nhập tiếp biến văn hóa lớn. Lần thứ nhất là quá trình Hán hóa và chống Hán hóa kéo dài hơn một ngàn năm, lần thứ hai là văn hóa thực dân Pháp-Mỹ, và lần thứ ba là văn hóa xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là Nga-Xô viết.

Với hơn một ngàn năm xâm lược Việt Nam, các triều đại phong kiến Phương Bắc đã đưa văn hóa của người Hán đi nô dịch các dân tộc tứ di theo quan niệm của họ (man, di, địch, rợ), chủ yếu là văn hóa Nho giáo. Văn hóa Nho giáo gắn liền với giai cấp thống trị, một kiểu văn hóa mang nặng tính phong kiến, phân chia đẳng cấp. Theo nghiên cứu của Trần Văn Giàu, đồng hóa là cách thức nổi bật của thực dân phong kiến Hán. Ở nhiều nơi họ đã thành công về cơ bản, song khi đến nước Việt ta, có một thực tế ngược lại là Việt hóa mạnh hơn Hán hóa, Hán hóa yếu hơn Việt hóa... Và thất bại của họ ở Âu Lạc là một trong vài ngoại lệ. Người Việt học chữ Hán mà đọc bằng tiếng Hán Việt, dựa vào chữ Hán để sáng tạo ra chữ Nôm của riêng dân tộc mình.

Cũng nhờ vậy, tiếng Việt được phong phú hơn rất nhiều [5, 7].

Tuy nhiên, không phủ nhận rằng, người Việt chịu ảnh hưởng rất lớn văn hóa Hán. Minh chứng rõ nhất là trong vốn từ sử dụng của tiếng Việt hiện nay có tới 70% lượng từ tiếng Hán-Việt. Nhiều phong tục, tập quán ở Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng hoặc có nguồn gốc từ Trung Quốc.

Trong thời kỳ Bắc thuộc, có không ít lần người Việt phải đối mặt với thách thức văn hóa đến cao độ. Triều Minh khi sang xâm lược Đại Việt đã cho người tìm đốt hết sách của người Việt. Không ít sách vở quý giá - nguồn tư liệu văn hóa khổng lồ - của người Việt đã trở thành tro bụi, nhưng sức sống của văn hóa Việt không hề mất đi vì nó đã được lưu giữ trong kí ức dân gian, trong tâm thức tập thể của cả cộng đồng dân tộc. Do vậy, nước ta đã bao phen mất độc lập nhưng không mất văn hóa, người Việt không bị đồng thuộc về Hán, bởi chính là nhờ cốt cách và bản lĩnh văn hóa dân tộc. Ngay cả một số tôn giáo như Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo Bắc Tông... được du nhập vào Việt Nam từ phương Bắc qua hơn một thiên niên kỷ đô hộ, đều được bản địa hóa (Việt hóa) mang tâm thức người Việt, gần gũi với văn hóa dân gian người Việt.

Đến thời kỳ thực dân kiểu cũ và kiểu mới, thực dân Pháp luôn quảng bá văn hóa của họ trên đất nước ta, nói như cách của người Pháp là “khai hóa văn minh”. Người Việt có thể sử dụng tiếng Pháp rất giỏi, chính thức trở thành một quốc gia nói tiếng Pháp trong cộng đồng Pháp ngữ, có thể dịch các tác phẩm văn học dân tộc sang tiếng Pháp như trường hợp Nguyễn Khắc Viện dịch Truyện Kiều. Người Việt cũng có thể ứng dụng khoa học kỹ thuật của

Pháp khá thuần thực. Tuy nhiên, người Việt vẫn mang tâm hồn, cốt cách Việt chứ không bị Pháp hóa.

Đến thời đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, văn hóa Mỹ chủ yếu thẩm thấu ở Sài Gòn và vùng phụ cận. Đó là văn hóa tiêu dùng, văn hóa hưởng thụ, tự do cá nhân và dục tính lên ngôi... Có một giai đoạn sau chiến tranh, người ta thấy ngột ngạt với rác rưởi của văn hóa thị dân Mỹ, coi đó là thứ cặn bã của văn hóa, và người Việt đã tống khứ nó, trả lại cho miền Nam Việt Nam một nền văn hóa khá thuần dân tộc.

Văn hóa thực dân Phương Tây tuy được bảo trợ bởi hòng súng và sức mạnh của đồng Đô la song nó không thể nhấn chìm văn hóa bản địa mà trái lại được sàng lọc, củng cố để rồi trở thành một phần di sản và bản sắc của văn hóa Việt Nam hiện đại.

Có thể nói, nước ta đã có khoảng 12 thế kỷ cùng với lịch sử chống ngoại xâm là cuộc hội nhập, tiếp nhận và phản ứng văn hóa khá gay gắt, có lúc âm thầm lặng lẽ. Nhưng nhìn xuyên suốt, chúng ta đã thu nhận văn hóa bên ngoài để chuyển tiếp, biến đổi và tái tạo chứ không tiếp nhận một cách thụ động, sống sượng. Người Việt vẫn đứng trên nền tảng hồn cốt cha ông mình, vì thế mọi âm mưu đồng hóa văn hóa, hoặc mượn danh văn hóa để thống trị đều thất bại cay đắng.

Bị xâm lược là điều không ai mong muốn, song “lửa thử vàng, gian nan thử sức”, chính cái không may ấy lại là trường thời gian và trường văn hóa qua đó dân tộc Việt tôi luyện bản lĩnh văn hóa của mình. Bản lĩnh đó đã chứng tỏ chiều sâu, sức sống của văn hóa Việt Nam, tinh hoa và ý chí, nghị lực của người Việt Nam được bảo tồn, trao truyền qua nhiều thế hệ.

2. Giữ gìn và nâng cao bản lĩnh văn hóa dân tộc trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế

Hiện nay, có thể nói, Việt Nam đang thực hiện một cuộc “đại hội nhập” vào thế giới. Trước hết là hội nhập kinh tế quốc tế, song không dừng lại ở đó mà còn tiếp diễn nhiều quá trình, trong đó có giao lưu văn hóa quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, bản lĩnh văn hóa dân tộc Việt Nam một lần nữa lại bị tác động, có nguy cơ lung lay gốc rễ. Trước không gian kinh tế thị trường toàn cầu, đan xen trong đó cả những quan hệ về phương diện văn hóa, nguy cơ thách thức với văn hóa Việt Nam lớn hơn gấp bội, đòi hỏi chúng ta một lần nữa phải tăng cường bồi đắp và khẳng định bản lĩnh văn hóa của dân tộc. Đó là cách để phát huy sức mạnh dân tộc, có đủ sức kháng lại những “luồng khí độc” tác động đến bản sắc văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam.

Phải nhận thấy rằng, hội nhập nền kinh tế thị trường toàn cầu là đối mặt với một cuộc thách thức đầy nghiệt ngã, ở đó phô diễn sự sòng phẳng về mọi phương diện, văn hóa không là ngoại lệ. Có cho và nhận, có giao lưu, tiếp biến, có cạnh tranh giữa văn hóa dân tộc này với văn hóa dân tộc kia, ai mạnh hơn ai; có sử dụng văn hóa vì mục đích kinh tế và có hoạt động kinh tế trong văn hóa, trong đó người ta xuất khẩu không chỉ tư bản, mà còn xuất khẩu văn hóa...

Không phải ngẫu nhiên mà người ta quan ngại về cái gọi là “Âu hóa”, “Mỹ hóa”... bởi chủ thể của những nền văn hóa đó là những quốc gia, khu vực có tiềm lực to lớn về kinh tế, quân sự và vì vậy họ có vị thế bất đối xứng trên trường quốc tế. Bước sang thế kỷ XXI, các học giả cũng bàn nhiều đến giá trị Đông Á, thậm chí có ý kiến cho rằng

châu Á hóa Âu, Hán hóa thế giới... do sự trỗi dậy năng động và mạnh mẽ của các nền kinh tế lớn ở Đông Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... cũng như sự tham dự của các giá trị truyền thống Đông Á vào sự phát triển của chính khu vực, điều khiến không ít các học giả tò mò khám phá về huyền bí ẩn sau tấm gương châu Á. “Sự trỗi dậy của khu vực Đông Á bắt đầu từ những năm 80 (thế kỷ XX) và ngày càng đáng kể trong những năm gần đây, trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa... (trong đó, phải kể đến Trung Quốc như là một hiện tượng châu Á đặc biệt), đã làm cho châu Á trở thành một chủ đề vừa hấp dẫn, vừa khó kiến giải” [10, 103].

Tham gia vào nền kinh tế thị trường toàn cầu không biên độ và thậm chí với không gian mở/ảo, xét về khía cạnh văn hóa, tính phức tạp càng có nguy cơ tăng lên. Bởi khi văn hóa ngày càng được nhiều quốc gia nhìn nhận là động lực của sự phát triển thì sự khai thác khía cạnh văn hóa ngày càng lớn và theo đó, họ cũng phải đối mặt với các thách thức lớn hơn về cạnh tranh văn hóa.

Trung Hoa dường như đang thành công với mô hình Học viện Khổng Tử mà theo đánh giá của giới bình luận thì đó là cách quảng bá văn hóa và ngụy trị thế giới kiểu Trung Hoa. Sự hiện diện của người Mỹ, với các đồng minh sát sau, đã mở rộng ảnh hưởng của đạo Tin Lành. Với tính năng động và tiện giản của đạo này, nó đã thâm nhập sâu rộng vào Hàn Quốc thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. “Hầu hết các hệ phái Tin Lành ở Nam Hàn đập theo khuôn của hệ phái truyền bá phúc âm của Tin Lành Mỹ [American evangelism]” [5], trong khi thời điểm trước đó Hàn Quốc là một nước châu Á, chịu ảnh hưởng nặng của văn hóa Nho giáo.

Nhiều quốc gia dân tộc trên thế giới cũng đã và đang tìm kiếm những mô thức ứng xử khác nhau. Chẳng hạn, chấp nhận Âu hóa (trường hợp Nhật Bản), Mỹ hóa (trường hợp Hàn Quốc),... hoặc chấp nhận hỗn dung văn hóa hay đa nguyên văn hóa, chứ không thể đóng cửa về văn hóa. Xu thế chung là đa phần chấp nhận đa dạng văn hóa thế giới như tinh thần của UNESCO kêu gọi đầu thập kỷ thứ nhất của thế kỷ XXI, tuy nhiên không quốc gia dân tộc nào muốn ngọn gió văn hóa toàn cầu thổi mình đi, thậm chí tất cả đều bản khoăn lo ngại về điều đó.

Với Việt Nam, trước không gian toàn cầu, văn hóa Việt Nam có một số cơ hội lớn. Trước hết là cơ hội tiếp nhận những giá trị văn hóa qua ngoại giao văn hóa và các quan hệ kinh tế. Cơ hội này ngày càng lớn và càng đi vào chiều sâu. Giao thương kinh tế với các quốc gia trên thế giới, các doanh nhân Việt không thể không biết và không chú ý đến những giá trị văn hóa của họ. Bên cạnh đó là cơ hội quảng bá những giá trị đặc sắc của văn hóa dân tộc, mang văn hóa Việt Nam đến với thế giới. Trong khoảng chục năm trở lại đây, nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Việt Nam đã được thế giới ghi nhận và vinh danh. Đó chính là niềm tự hào của người Việt khi giao lưu với bạn bè quốc tế.

Cơ hội thì đã rõ, song điều cần phải chú trọng nhấn mạnh là những thách thức của toàn cầu hóa và hội nhập đối với văn hóa dân tộc. Hiện nay, nhiều giá trị văn hóa dân tộc đang có nguy cơ mai một, sự lai căng văn hóa, sự lên ngôi của văn hóa tiêu dùng, thực dụng trong một bộ phận giới trẻ đang làm

(*) Năm 2004, Trung Quốc bắt đầu xây dựng các trường dạy tiếng Trung Quốc ở nước ngoài để mở rộng vùng phủ sang văn hóa với tên gọi các Học viện Khổng Tử. Trên thế giới có khoảng 320 học viện như vậy [Xem 14].

vấn đực môi trường văn hóa, làm đau đầu những người tâm huyết với đất nước, những người thực sự có trách nhiệm với tương lai văn hóa nước nhà. Thực tế đó đã có không ít các công trình nghiên cứu cảnh báo trong nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, lời giải cho vấn đề vẫn còn chưa khả dĩ.

Đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn này, nếu bản lĩnh văn hóa tỏ ra vững vàng, kiên định, thì thách thức sẽ được vượt qua và cơ hội sẽ biến thành hiệu quả, thắng lợi. Lúc đó, vô hình trung, bản lĩnh văn hóa của chủ thể văn hóa đã giúp văn hóa trở thành nguồn lực nội sinh đầy sức sống để ứng xử với những biến động của toàn cầu hóa kinh tế. Ngược lại, nếu không giữ được bản lĩnh văn hóa, nghĩa là chúng ta sẽ buông xuôi theo dòng nước cuốn của làn sóng toàn cầu hóa và sự trả giá sẽ là rất đắt, thậm chí hàng nhiều thế hệ.

Tuy nhiên, “giá trị sự tồn tại của mỗi dân tộc không còn chứa đựng trong ý niệm ‘độc lập’ (indépendance) của thế kỷ trước mà bằng ý niệm liên lập (interdépendance). Đó cũng là thước đo về năng lực hội nhập của mỗi quốc gia” [9, 18]. Giữ gìn bản lĩnh văn hóa không phải là bảo thủ, cố thủ văn hóa mà phải tiếp nhận thêm tinh hoa văn hóa nhân loại để làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Bản lĩnh văn hóa dân tộc phải là một bản lĩnh có trí tuệ, có khát vọng vươn lên mãi... đó cũng là mối quan hệ biện chứng giữa cái hằng số và cái biến số, giữa bản sắc dân tộc và nhân loại rộng lớn đa dạng sắc màu, không ngừng biến đổi. Hội nhập hôm nay phải là một sự hội nhập khôn ngoan, một cuộc chơi đầy trí tuệ, vì vậy để bồi đắp bản lĩnh nhất định phải tăng cho được hàm lượng trí tuệ trong bản sắc văn hóa dân tộc.

Qua thực tiễn lịch sử dân tộc và ý chí đổi mới của người Việt hôm nay, với

tâm thế “chủ động hội nhập” - một sự xác định tâm thế hội nhập đầy bản lĩnh, chúng tôi cho rằng, Việt Nam có cơ sở để tin vào bản lĩnh văn hóa dân tộc, bản lĩnh người Việt trước những thách thức văn hóa trong hội nhập quốc tế để đi tới con đường giàu mạnh, dân chủ, tiến bộ, văn minh, hạnh phúc □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huy Cận (1994), *Suy nghĩ về bản sắc văn hóa dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyền (đồng chủ biên) (2002). *Giá trị tinh thần truyền thống trước thách thức của toàn cầu hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành trung ương khóa VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Phạm Văn Đức (2004), “Phát huy tinh thần dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa ở Việt Nam hiện nay”, *Triết học*, số 8, trang 5-10.
5. Trần Văn Giàu (2004), “Bản lĩnh Việt Nam”, *Tạp chí Xưa & Nay*, số 216 (tháng 7).
6. Hội đồng lý luận Trung ương (2008), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay*, Tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Trần Chung Ngọc (2011), *Thực chất của Tin Lành Nam Hàn*, <http://sachhiem.net/TCN/TCNtg/TCN112.php>
8. Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Năng Nam (2012), “Bản lĩnh văn hóa Việt Nam trước đòi hỏi của dân tộc và thời đại”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 334 (tháng 4), trang 3-6.

9. Dương Trung Quốc (2004), “Năng lực đối thoại của một dân tộc ‘ăn bằng đũa và nói tiếng Pháp’”, Tạp chí *Xưa & Nay*, số 219 (tháng 9).
10. Hồ Sĩ Quý (2006), *Về giá trị và giá trị châu Á (Tái bản)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.
12. Hồ Sĩ Vịnh (2002), *Xây dựng bản lĩnh văn hóa Việt Nam để thích nghi với xu thế toàn cầu hóa*, trong sách: *Giá trị tinh thần truyền thống trước thách thức của toàn cầu hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. *Văn hóa trong thế giới hội nhập*, <http://huc.edu.vn/chi-tiet/1340/Hoi-thao-quoc-te-Van-hoa-trong-the-gioi-hoi-nhap-2010.html>
14. <http://vef.vn/2011-01-21-trung-quoc-dung-khong-tu-de-xay-anh-huong>, ngày 22/1/2011.

(tiếp theo trang 62)

Vấn đề vận dụng lý thuyết kinh tế nhằm xây dựng cho Việt Nam con đường phát triển là vấn đề luôn có những bước biến động và mới. Tập 1 của cuốn sách nằm trong bộ sách được hình thành trên cơ sở biên soạn từ các báo cáo tham luận tại Hội thảo “Các lý thuyết kinh tế chính trong bối cảnh phát triển mới và những vấn đề rút ra cho Việt Nam” do Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức.

Nội dung sách tập trung vào những vấn đề cơ bản: Học thuyết kinh tế của C.Mác, V.I.Lênin về lý thuyết kinh tế và vận dụng vào của Việt Nam hiện nay; Lý thuyết của J.M.Keynes và các trường phái - một số vấn đề rút ra cho Việt Nam. Qua đó, thể hiện sự nghiên cứu chuyên sâu, công phu của các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu của Hội đồng Lý luận Trung ương, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh tế (Đại học Quốc gia Hà Nội),...

TA.

HOÀNG TUY. Giáo dục: xin cho tôi nói thẳng. H.: Tri thức, 2012, 342 tr., Vb 50639.

“Là người gắn bó với giáo dục hơn 60 năm nay... tôi hết sức lo lắng cho nền

học của nước nhà. Hơn lúc nào hết trong lịch sử, khắp nơi trên thế giới người ta đều hết sức coi trọng giáo dục. Hơn nữa, ngành này đã thay đổi sâu sắc trong mấy thập kỷ qua. Ngày càng rõ là chúng ta không chỉ tụt hậu mà nguy hiểm hơn là đang đi lạc khá xa con đường chung của thế giới. Tình hình nghiêm trọng đó đã được báo động từ lâu, nhưng chúng ta vẫn dửng dưng, tự ru ngủ bằng những thành tích giả và lún sâu vào khủng hoảng mà không hay biết. Nếu không sớm tỉnh ngộ để chấn hưng giáo dục thì hội nhập sẽ vô cùng khó khăn”.

Đó là những lời thể hiện đầy tâm huyết và niềm trăn trở đã được tác giả đúc kết trong cuốn sách - là tập hợp những bài viết về giáo dục của tác giả trong khoảng hơn chục năm trở lại đây. Đồng thời với những phân tích sâu sắc về thực trạng nền giáo dục nước nhà, tác giả liên tục rung những hồi chuông cảnh tỉnh thống thiết đối với các nhà quản lý và các nhà hoạch định chính sách giáo dục. Tác giả và các cộng sự cũng đã kiên trì, quyết liệt đề xuất những phương án, giải pháp khắc phục những bất cập trong giáo dục nước nhà, điển hình là hai bản kiến nghị năm 2004 và 2009.

PHẠM NGUYỄN ĐỨC